

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2024

V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng Văn Khiếu**

Ông Nguyễn Ngọc Minh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Lương Thùy Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: **Bà Diêm Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị D, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-9-2024 và Bản tự khai ngày 14-10-2024, nguyên đơn là chị Triệu Thị D trình bày: Chị và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L vào ngày 29-04-2009. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi cọ và phát sinh bạo lực gia đình. Hai người đã sống ly thân, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Vì vậy chị Triệu Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung, chị Triệu Thị D xác định giữa hai người có 02 con chung là cháu Đặng Đức T1 - sinh ngày 06-02-2009 và cháu Triệu Thị Quỳnh N – Sinh ngày 02-8-2011.

Hiện nay cháu Triệu Thị Quỳnh N đang sống cùng chị và gia đình ông Triệu Tài N1, bà Triệu Thị K (Là ông bà ngoại) tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Cháu Đặng Đức T1 đang học tại Bắc Ninh, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại chị đang buôn bán ở Bắc Ninh, thu nhập bình quân là 10.000.000 triệu đồng/tháng.

Chị Triệu Thị D đề nghị được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Đặng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện nay anh Đặng Văn T hay rượu chè, không lao động nên không có thu nhập, không có khả năng nuôi con. Chị không yêu cầu anh Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19-11-2024, chị Triệu Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến theo nội dung đã trình bày tại Bản tự khai.

Tại Biên bản xác minh ngày 23 tháng 10 năm 2024, ông Triệu Kim B - Trưởng thôn K, xã T, huyện L cung cấp nội dung:

Chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người chung sống tại thôn K, xã T, huyện L. Hai người xảy ra mâu thuẫn là do chị Triệu Thị D thường đi làm ăn xa, anh Đặng Văn T ở nhà chán nản nên hay rượu chè. Hai người có hai con chung. Con lớn hiện nay đang học ở Bắc Ninh, con nhỏ hiện nay đang học lớp 8 tại Trường tiểu học và trung học cơ sở xã T và ở cùng gia đình ông Triệu Tài N1, bà Triệu Thị K (Là ông bà ngoại). Hiện nay anh Đặng Văn T thường xuyên rượu chè không đi làm việc mà ở nhà, nên không có thu nhập.

Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 14-10-2024, các cháu Đặng Đức T1 và Triệu Thị Quỳnh N đều thể hiện nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Triệu Thị D nếu bố mẹ ly hôn.

Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn T. Nhưng anh Đặng Văn T không có mặt theo triệu tập nên không có lời khai, chị Triệu Thị D có đơn từ chối hoà giải nên không thể tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Đặng Văn T có ý kiến: Về tình trạng hôn nhân, anh nhất trí với lời khai của chị Triệu Thị D. Anh nhất trí ly hôn với chị Triệu Thị D. Về con chung, anh Đặng Văn T thừa nhận hai người có hai con chung là các cháu Đặng Đức T1 và Triệu Thị Quỳnh N. Hiện nay cháu Đặng Đức T1 đang học tập tại Bắc Ninh, còn cháu Triệu Thị Quỳnh N đang sinh sống cùng ông bà ngoại là ông Triệu

Tài N1, bà Triệu Thị K ở thôn K, xã T, huyện L. Anh không phản đối việc chị Triệu Thị D yêu cầu nuôi hai con chung. Không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Tổ tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nội dung xác minh tại cơ sở và ý kiến của bị đơn tại phiên tòa, thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Điều kiện, khả năng nuôi con của nguyên đơn đảm bảo hơn so với bị đơn và hiện nay các con đều đang sinh sống, học tập ổn định cùng nguyên đơn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn và giao cả hai con cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Do nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cấp ngày 29-4-2009. Thể hiện việc kết hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Triệu Thị D là hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, do không thể hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân. Lời khai của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân của vợ chồng phù hợp với nội dung do Trưởng thôn K, xã T cung cấp. Nên có đủ căn cứ để khẳng định hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng

trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận tình trạng vợ chồng như nguyên đơn đã khai và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự đồng ý ly hôn của bị đơn để xử cho chị Triệu Thị D ly hôn với anh Đặng Văn T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các giấy khai sinh, thể hiện: Chị Triệu Thị D, anh Đặng Văn T có 02 con chung là cháu Đặng Đức T1 - sinh ngày 06-02-2009 và cháu Triệu Thị Quỳnh N - sinh ngày 02-8-2011. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Qua xác minh tại cơ sở, lời khai của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn tại phiên tòa, thể hiện: Hiện nay anh Đặng Văn T thường xuyên uống rượu, không tham gia lao động, không có thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của các cháu được chăm sóc, giáo dục và phát triển tốt nhất. Tại phiên tòa, anh Đặng Văn T không có ý kiến phản đối việc chị Đặng Thị Duyên đề nghị được nuôi cả hai con chung. Nên cần ghi nhận là anh Đặng Văn T đồng ý với yêu cầu nuôi cả hai con do chị Đặng Thị Duyên nêu ra. Vì vậy, cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để giao cả hai cháu cho chị Triệu Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Triệu Thị D không yêu cầu, nên anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn, chị Triệu Thị D có yêu cầu ly hôn và nuôi cả hai con chung. Anh Đặng Văn T nhất trí ly hôn và đồng ý việc chị Triệu Thị D nuôi cả hai con. Do nguyên đơn vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, nhưng cần ghi nhận việc các bên thống nhất được về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5 ; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Triệu Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị D được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Đặng Đức T1 - sinh ngày 06-02-2009 và cháu Triệu Thị Quỳnh N - sinh ngày 02-8-2011 cho chị Triệu Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị D phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2024/0001945 ngày 01-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Triệu Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 150.000 đồng đã nộp.

Anh Đặng Văn T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Niêm yết, UBND xã T
- Lưu: Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

